

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST

Ngày: 15/3/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Vô

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2016/TLST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP X; địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng L8-01-11+16 Tòa nhà A, số 72 B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1983; (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1985; địa chỉ: 31 đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959; địa chỉ: 20/86 đường H, phường L, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1974; địa chỉ: 252 đường F, Phường G, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3.2 Ông Trần B, sinh năm 1959; địa chỉ: 601 đường T, Phường R, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin vắng mặt)

3.3 Ông Phạm Hữu P, sinh năm 1959; địa chỉ: 153/13 đường S, phường X, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1974; địa chỉ: 252 đường F, Phường G, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh. (có mặt)

3.4 Bà Viên Đông A, sinh năm 1959; địa chỉ thường trú: 601 đường T, Phường R, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: 591 đường U, phường Y, quận J, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

3.5 Bà Phạm Mỹ Linh, sinh năm 1973; địa chỉ: 153/13 đường S, phường X, Quận W, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

3.6 Bà Nguyễn Thị Bích Đào, sinh năm 1959; địa chỉ: B507 chung cư V, số 312 đường MN, Phường LK, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2016, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn Ngân hàng TMCP X ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng T đại diện trình bày:

Ngân hàng TMCP X và bà Lê Thị Ngọc B có ký Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201200703 ngày 26/10/2012, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 22/5/2013, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2014. Theo đó, Eximbank cấp hạn mức tín dụng cho bà B với số tiền 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng), mục đích là đầu tư chứng khoán, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 26/10/2012 đến ngày 26/10/2017, lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Eximbank đã giải ngân và bà Lê Thị Ngọc B đã nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 1402-LDS-201201277 ngày 26/10/2012, Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ ngày 29/9/2014. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng trên là 13.049.437 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã STB) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn M theo Hợp đồng bảo đảm số 33/EIB-Q4/TC-CN/2013 ngày 22/5/2013, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo đảm ngày 22/7/2013, Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/3/2016. Thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Lê Thị Ngọc B đã trả được 24.090.000.000 đồng tiền lãi. Bà B đã vi phạm nghĩa vụ bổ sung tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm đã ký kết.

Nay Eximbank yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Ngọc B thanh toán cho Eximbank tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/3/2022 gồm: nợ gốc là 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng), lãi trong hạn: 113.831.666.667đ (một trăm mười ba tỷ tám trăm ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), lãi quá hạn: 38.831.833.000đ (ba mươi tám tỷ tám trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng). Tổng cộng là 284.663.500.000đ (hai trăm tám mươi bốn tỷ sáu trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Trường hợp bà B không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì phát mãi tài sản đảm bảo là 13.049.437 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã STB) và tất cả các quyền lợi tài chính và các quyền khác phát sinh từ cổ phiếu

cầm cố thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn M để thu hồi nợ cho Eximbank. Nếu giá trị tài sản đảm bảo không thu hồi đủ nợ thì bà Lê Thị Ngọc B tiếp tục cho nghĩa vụ thanh toán cho Eximbank cho đến khi xong nợ.

Bà Lê Thị Ngọc B còn phải tiếp tục trả cho Eximbank khoản tiền lãi phát sinh được tính trên số nợ gốc còn lại kể từ ngày 16/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ, mức lãi suất phải trả được xác định theo Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201200703, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 22/5/2013, 29/9/2013, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LDS-201201277 ngày 26/10/2012, Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/9/2014.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc B trình bày:

Ngày 26/10/2012 bà Lê Thị Ngọc B ký với Ngân hàng TMCP X (Eximbank) Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201200703, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 22/5/2013, 29/9/2013, Eximbank cấp hạn mức tín dụng với số tiền 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng). Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Eximbank đã giải ngân và bà Bích đã nhận nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LDS-201201277 ngày 26/10/2012, Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/9/2014. Khoản nợ trên là do bà B đứng tên vay dùm cho ông Phạm Hữu P, toàn bộ số tiền do ông P sử dụng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Nguyễn Văn M đã bảo lãnh, cầm cố cho bà Lê Thị Ngọc B tài sản là 8.250.000 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã cổ phiếu STB) theo Hợp đồng bảo đảm số 33/EIB-Q4/TC-CN/2013 ngày 22/5/2013, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo đảm ngày 22/7/2013, Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2016. Số lượng cổ phiếu cầm cố sau khi chia cổ tức, chia cổ phiếu quỹ, thưởng cổ phiếu.... tạm tính đến ngày 17/11/2015 là 13.049.437 cổ phiếu.

Bà B đồng ý trả cho Eximbank số tiền vốn gốc là 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng) và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 26/10/2014 đến ngày 26/10/2017 là 36.213.833.333đ (ba mươi sáu tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng là 168.213.833.333đ (một trăm sáu mươi tám tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Trường hợp không thể trả được nợ thì bà B đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo là 13.049.437 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã STB) và tất cả các quyền lợi tài chính và các quyền khác phát sinh từ cổ phiếu cầm cố thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn M để thu hồi nợ cho Eximbank. Nếu giá trị tài sản đảm bảo không thu hồi đủ nợ thì bà Lê Thị Ngọc B tiếp tục cho nghĩa vụ thanh toán cho Eximbank cho đến khi xong nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M ủy quyền cho ông Nguyễn Đức T đại diện, trình bày:

Từ năm 2012 ông M có đứng tên dùm ông Trầm B số lượng 47.355.510 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã STB), tổng trị giá 746.000.000.000đ (bảy trăm bốn mươi sáu tỷ đồng). Theo chỉ đạo của ông B, ông M đã dùng toàn bộ số cổ phiếu này để đảm bảo các khoản vay tại Eximbank cho nhóm 07 cổ đông (trong đó có bà Lê Thị Ngọc B), vay tổng số tiền 746.000.000.000đ (bảy trăm bốn mươi sáu tỷ đồng), trong đó bà B vay

132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng). Số tiền vay này do ông Phạm Hữu P sử dụng để mua 67.228.757 cổ phiếu EIB. Số cổ phiếu này do 07 cổ đông đứng tên dùm cho ông P. Ông Trầm B và ông Phạm Hữu P có ký xác nhận với cục thanh tra Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm về các khoản vay và lãi của từng người đứng tên vay hộ tại Eximbank.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông M đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo là 13.049.437 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã STB) và tất cả các quyền lợi tài chính và các quyền khác phát sinh từ cổ phiếu cầm cố thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn M để thanh toán cho Eximbank số tiền vốn gốc là 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng) và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 26/10/2014 đến ngày 26/10/2017 là 36.213.833.333đ (ba mươi sáu tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng là 168.213.833.333đ (một trăm sáu mươi tám tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trầm B trình bày: Ông B xác nhận có nhờ ông M đứng tên cổ phiếu dùm và bảo lãnh cho số tiền vay của ông P, còn ông P nhờ ai vay tiền thì ông B không biết. Nay Eximbank khởi kiện yêu cầu bà B thanh toán khoản nợ, trường hợp bà B không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản đảm bảo là số cổ phiếu STB theo Hợp đồng bảo đảm số 33/EIB-Q4/TC-CN/2013 ngày 22/5/2013 thì ông B đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng việc phát mãi cổ phiếu STB thì phải thông báo và được sự đồng ý Ngân hàng Nhà nước. Trong vụ án này ông B không có yêu cầu độc lập. Ngày 28/10/2020 ông B có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại tòa cũng như khi xét xử sơ thẩm và phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu P ủy quyền cho ông Nguyễn Đức T đại diện trình bày: Ông Trầm B là chủ sở hữu thực tế đối với số cổ phiếu Sacombank do ông M đứng tên dùm. Việc ông M bảo lãnh cho 07 khoản vay tại Ngân hàng Eximbank (trong đó có khoản vay 132.000.000 đồng của bà Lê Thị Ngọc B) là theo chỉ đạo của ông Trầm B. Ông B chỉ đạo dùng số tiền vay mua cổ phiếu Eximbank cho những người khác đứng tên. Theo biên bản thỏa thuận ngày 31/7/2015, ông B và ông P thống nhất ông P có trách nhiệm bàn giao cho ông Trầm B 39.841.075 cổ phiếu Eximbank, bao gồm 16.072.860 cổ phiếu Eximbank đang cầm cố tại Sacombank bảo lãnh cho Công ty VTH vay; tiếp tục giao phần còn lại cho ông B 23.768.215 cổ phiếu Eximbank trong thời hạn 15 ngày; ông B chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc (746 tỷ đồng) và lãi vay tính đến ngày 31/7/2015 cũng như lãi phát sinh sau ngày 31/7/2015 trừ khoản nợ gốc trên đối với 07 hợp đồng tín dụng. Ngày 20/10/2015, thực hiện thỏa thuận, ông P đã bàn giao đủ cho ông B 39.841.075 cổ phiếu Eximbank. Tại biên bản bàn giao cổ phiếu ngày 20/10/2015 hai bên ghi nhận: Cùng với 16.072.860 cổ phiếu Eximbank đang cầm cố tại Sacombank bảo lãnh cho công ty VTH vay 230 tỷ đồng cho ông B mượn, từ ngày hôm nay, hai bên thống nhất đã bàn giao xong 39.841.075 cổ phiếu Eximbank theo yêu cầu của Cục thanh tra, Giám sát Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh. Các quyền định đoạt 39.841.075 cổ phiếu Eximbank bao gồm cả quyền lợi và nghĩa vụ liên quan từ ngày hôm nay thuộc về

ông B. Như vậy, theo thỏa thuận đã ký giữa ông P và ông B thì việc thanh toán toàn bộ khoản nợ (gốc và lãi) là trách nhiệm của ông B đối với Eximbank. Đề nghị nguyên đơn bán toàn bộ cổ phiếu của ông M mà ông M đã ký hợp đồng bảo đảm thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Mỹ L trình bày: Tranh chấp giữa chồng bà là ông Phạm Hữu P với các đương sự trong vụ án là chuyện làm ăn riêng của chồng bà, không có liên quan gì. Bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa cũng như khi xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì đối với quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Đ trình bày: Tranh chấp giữa chồng bà là ông Nguyễn Văn M với các đương sự trong vụ án là chuyện làm ăn riêng của chồng bà, không có liên quan gì. Bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa cũng như khi xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì đối với quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Viên Đông A trình bày: Tranh chấp hợp đồng tín dụng do Ngân hàng Eximbank khởi kiện bà Lê Thị Ngọc B không có liên quan gì đến bà. Bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa cũng như khi xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, cam kết không thắc mắc hay khiếu nại gì đối với quyết định của Tòa án.

Tại phiên Tòa,

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Ngọc B trả cho Eximbank tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/3/2022 là 284.663.500.000đ (hai trăm tám mươi bốn tỷ sáu trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc: 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng), lãi trong hạn: 113.831.666.667đ (một trăm mười ba tỷ tám trăm ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), lãi quá hạn: 38.831.833.000đ (ba mươi tám tỷ tám trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Trường hợp bà B không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì phát mãi tài sản đảm bảo là 13.049.437 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã STB) và tất cả các quyền lợi tài chính và các quyền khác phát sinh từ cổ phiếu cầm cố thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn M để thu hồi nợ cho Eximbank. Nếu giá trị tài sản đảm bảo không thu hồi đủ nợ thì bà Lê Thị Ngọc B tiếp tục cho nghĩa vụ thanh toán cho Eximbank cho đến khi xong nợ.

Bà Lê Thị Ngọc B còn phải tiếp tục trả cho Eximbank khoản tiền lãi phát sinh được tính trên số nợ gốc còn lại kể từ ngày 16/3/2022 cho đến khi trả dứt nợ, mức lãi suất phải trả được xác định theo Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201200703, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 22/5/2013, 29/9/2014, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LDS-201201277 ngày 26/10/2012, Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/9/2014.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc B trình bày: Bà B đồng ý trả cho Eximbank số tiền vốn gốc là 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng) và tiền lãi trong hạn tính đến ngày 26/10/2017 là 36.213.833.333đ (ba mươi sáu tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng là

168.213.833.333đ (một trăm sáu mươi tám tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Trường hợp không thể trả được nợ thì bà B đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo là 13.049.437 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã STB) và tất cả các quyền lợi tài chính và các quyền khác phát sinh từ cổ phiếu cầm cố thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn M để thu hồi nợ cho Eximbank. Nếu giá trị tài sản đảm bảo không thu hồi đủ nợ thì bà B tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Eximbank cho đến khi xong nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M do ông Nguyễn Đức T đại diện trình bày:

Eximbank cho rằng ông M vi phạm nghĩa vụ bổ sung tài sản thế chấp, trả nợ vay trước hạn là không có căn cứ vì theo hợp đồng đảm bảo số 33/13/EIB-Q4/TC-CN/2013 thì tài sản đảm bảo cho khoản vay là 8.250.000 cổ phiếu STB, nhưng Eximbank yêu cầu phát mãi 13.049.437 cổ phiếu là đã tăng hơn giá trị tài sản bảo đảm. Ngoài ra, theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ thì bà B không được quyền trả nợ gốc trước hạn, nếu không sẽ bị phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ. Theo hợp đồng bảo đảm số 33/13/EIB-Q4/TC-CN/2013 có quy định trường hợp đến hạn mà bà B không thanh toán đầy đủ các khoản nợ thì Eximbank có quyền trực tiếp bán tài sản đảm bảo. Tại mục 7.2 Điều 7 bảo đảm số 33/13/EIB-Q4/TC-CN/2013 của hợp đồng thì nếu Eximbank thông báo mà bà B, ông M không bổ sung tài sản đảm bảo hoặc trả nợ trước hạn thì sau 01 ngày làm việc Eximbank có toàn quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ mà không cần thông báo cho bà B, ông M, chứ không phải bằng cách khởi kiện ra tòa, việc Eximbank khởi kiện ra tòa là trái thỏa thuận của các bên.

Về thời điểm khởi kiện: Theo Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2014 thì thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 26/10/2012 đến ngày 26/10/2017. Tuy nhiên khi chưa hết hạn của Hợp đồng, Eximbank tự ý khởi kiện là không đúng với thỏa thuận của các bên. Việc Eximbank khởi kiện trước khi hết hạn hợp đồng là thể hiện ý chí muốn dừng hợp đồng trước hạn, vi phạm điều 428 của Bộ luật dân sự về đơn phương chấm dứt hợp đồng. Tại các biên bản làm việc ngày 07/09/2017 và 18/09/2017, ông M đã yêu cầu Eximbank bán cổ phiếu STB để thanh toán nợ gốc và lãi của các khoản vay. Như vậy, ông M, bà B đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không có lỗi đối với khoản lãi sau ngày 26/10/2017. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm giữa bà B, ông M với Eximbank bị sự điều chỉnh theo Điều 14 của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước nên việc vay được tiền lại dùng tiền này mua cổ phiếu của chính Eximbank là vi phạm Điều 14 của Thông tư 36. Theo khoản 1 Điều 22 của Thông tư 36 thì các bên phải chấm dứt hợp đồng, thanh lý hợp đồng vào ngày 26/10/2017 là ngày hết hạn hợp đồng, đồng nghĩa với việc bà B không phải chịu bất kỳ khoản lãi nào phát sinh sau ngày 26/10/2017.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông M đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo là 13.049.437 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã STB) và tất cả các quyền lợi tài chính và các quyền khác phát sinh từ cổ phiếu cầm cố thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn M để thanh toán cho Eximbank số tiền vốn gốc là 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng) và tiền lãi trong hạn tính đến ngày 26/10/2017 là 36.213.833.333đ (ba mươi sáu

tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng là 168.213.833.333đ (một trăm sáu mươi tám tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Không đồng ý trả tiền lãi phát sinh sau ngày 26/10/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Hữu P do ông Nguyễn Đức T đại diện trình bày: Việc ông M dùng cổ phiếu để đảm bảo cho 06 khoản vay khác tại Eximbank và khoản vay của bà B là theo sự chỉ đạo của ông Trần B, ông B mới là chủ sở hữu của cổ phiếu Eximbank, ông P chỉ có vai trò là người quản lý giữ cổ phiếu Eximbank sau khi mua cho ông B. Theo thỏa thuận ngày 31/07/2015 giữa ông P và ông Trần B thì ông P không còn trách nhiệm gì đối với các khoản vay này. Đề nghị Tòa án cho phát mãi toàn bộ 13.049.437 cổ phiếu STB do ông M đứng tên để thu hồi nợ trong trường hợp bà B không thanh toán được khoản nợ của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201200703 ngày 26/10/2012, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 22/5/2013, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2013 có cơ sở xác định, Eximbank có cho bà B với số tiền 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng), mục đích là đầu tư chứng khoán, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 26/10/2012 đến ngày 26/10/2017, lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP X yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Ngọc B trả cho Ngân hàng TMCP X tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/3/2022 là 284.663.500.000đ (hai trăm tám mươi bốn tỷ sáu trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc: 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng), lãi trong hạn: 113.831.666.667đ (một trăm mười ba tỷ tám trăm ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), lãi quá hạn: 38.831.833.000đ (ba mươi tám tỷ tám trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng). Bà B và ông T là đại diện ông M thống nhất bà B đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng), lãi suất trong hạn từ ngày 26/10/2014 đến ngày 26/10/2017 là 36.213.833.333đ (ba mươi sáu tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với số tiền lãi sau ngày 26/10/2017 mà Eximbank yêu cầu thì do Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định cụ thể về trường hợp này, đồng thời phía bị đơn, người liên quan đã nhiều lần làm việc và có văn bản yêu cầu nguyên đơn phát mãi tài sản đảm bảo nhưng do cổ phiếu STB bị nhà nước phong tỏa, đây là nguyên nhân khách quan

không phải do lỗi của bị đơn. Phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi khi chưa đến hạn thanh toán của hợp đồng thể hiện ý chí của nguyên đơn muốn dừng hợp đồng trước hạn, do đó bị đơn không có nghĩa vụ thanh toán lãi sau khi kết thúc hợp đồng. Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 91, 95, 98 Luật Các Tổ chức tín dụng, Điều 323, 342, 348, 349, 350, 351 và 355 của Bộ luật dân sự 2005; Luật Thi hành án dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 132.000.000.000 đồng, tiền nợ lãi từ ngày 26/10/2014 đến ngày 26/10/2017, trường hợp không thanh toán được thì phát mãi tài sản đảm bảo là 13.049.437 cổ phiếu STB của ông M. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (Eximbank) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là bà Lê Thị Ngọc B. Bà B cư trú tại Quận P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5 theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trâm B, bà Viên Đông A, bà Phạm Mỹ L, bà Nguyễn Thị Bích Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nói trên.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

2.1. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP X yêu cầu bà Lê Thị Ngọc B thanh toán ngay một lần số tiền nợ gốc là 132.000.000.000 đồng.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201200703 ngày 26/10/2012, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 22/5/2013, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2014, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LAV-201200703 ngày 26/10/2012, lời thừa nhận của bị đơn bà Lê Thị Ngọc B. Từ đó có đủ cơ sở xác định Ngân hàng TMCP X đã cho bà B vay số tiền 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng), mục đích là đầu tư chứng khoán, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 26/10/2012 đến ngày 26/10/2017, lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại các bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hoà giải được và tại phiên tòa, bà Lê Thị Ngọc B đồng ý trả cho Eximbank số tiền vốn gốc là 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Eximbank về việc buộc bà Lê Thị Ngọc B thanh toán cho Eximbank số tiền vốn gốc là 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng) là có cơ sở, cần chấp nhận.

2.2. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi

trong hạn: 113.831.666.667đ (một trăm mười ba tỷ tám trăm ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), lãi quá hạn: 38.831.833.000đ (ba mươi tám tỷ tám trăm ba mươi một triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng). Tổng cộng là 152.663.500.000đ (một trăm năm mươi hai tỷ sáu trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bên đương sự không có ý kiến gì về mức lãi suất và thời gian tính lãi suất trong hạn. Như vậy, đối với số tiền lãi trong hạn mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả từ ngày 26/10/2014 đến hết thời hạn vay là ngày 26/10/2017 là phù hợp với thỏa thuận của các bên theo hợp đồng, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 91, 95, 98 Luật Các Tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận. Cụ thể, khoản tiền lãi trong hạn mà bà B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X như sau: từ ngày 26/10/2014 đến ngày 26/10/2017 là 36.213.333đ (ba mươi sáu tỷ hai trăm mười ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Đối với khoản tiền lãi mà các bên đương sự không thống nhất, Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch vay, thế chấp cổ phiếu các bên được điều chỉnh bởi Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Điều 14 của Thông tư có quy định: “Ngân hàng thương mại, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu trên cơ sở bảo đảm dưới bất kì hình thức nào của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác hoặc trên cơ sở bảo đảm bằng cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác; không được cấp tín dụng trung hạn, dài hạn cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu”. Tại Điều 22 của Thông tư nói trên cũng có quy định các hợp đồng tín dụng được ký kết trước ngày thông tư này có hiệu lực thì hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết được tiếp tục thỏa thuận thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng. Xét việc ông M đảm bảo khoản vay của bà B bằng các cổ phiếu của Sacombank là vi phạm Điều 14 Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tuy nhiên, căn cứ theo Điều 22 của Thông tư, do giao dịch xảy ra trước thời điểm thông tư có hiệu lực nên các bên được thực hiện đến khi kết thúc hợp đồng. Như vậy, giao kết của nguyên đơn, bị đơn với người bảo lãnh chỉ được thực hiện và tính lãi vay đến hết thời hạn vay của hợp đồng là ngày 26/10/2017.

Bên cạnh đó, tại Điều 7 và Điều 8 của Hợp đồng bảo đảm số 33/13/EIB-Q4/TC-CN/2013 có quy định khi chứng khoán nhận bảo đảm giảm giá đến mức thấp hơn 150% dư nợ mà sau một ngày làm việc tiếp theo, bà B, ông M không bổ sung theo yêu cầu của Eximbank hoặc nếu đến hạn mà của Hợp đồng mà bà B, hoặc ông M không thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Eximbank thì Eximbank có quyền trực tiếp bán tài sản đảm bảo, kể cả quyền quyết định giá bán, thời điểm bán, khách hàng mua, phương thức mua bán. Đồng thời, tại Giấy đề nghị thực hiện cầm cố chứng khoán số 337/2013/EIB-Q4/GD ngày 22/5/2013 Eximbank và ông M cũng thỏa thuận: Trong trường hợp Eximbank đề nghị xử lý bán chứng khoán cầm cố, Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt sẽ thực hiện xử lý chứng khoán cầm cố theo đề nghị của Eximbank mà không cần có sự đồng ý của ông M.

Tại Văn bản ngày 11/4/2018, Biên bản làm việc ngày 23/4/2018, 05/12/2018 và tại phiên tòa các bên cũng xác nhận phía ông M đã nhiều lần đề nghị Eximbank xử lý tài sản thế chấp để tất toán nợ. Eximbank cũng có nhiều văn bản xin ý kiến của Ngân hàng Nhà nước để giải tỏa tài sản thế chấp nhưng Eximbank vẫn không bán tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, dẫn đến phía bị đơn không thể thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy việc tài sản thế chấp bị phong tỏa dẫn đến việc không thể phát mãi để Eximbank thu hồi nợ là sự kiện khách quan, bà B và ông M không có lỗi trong việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Mặt khác, vào ngày 01/7/2016 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi khi chưa đến hạn thanh toán của hợp đồng thể hiện ý chí của nguyên đơn muốn dừng hợp đồng trước hạn, do đó bà B không có nghĩa vụ thanh toán lãi sau khi kết thúc hợp đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không buộc bà B phải trả tiền lãi trong hạn và quá hạn cho nguyên đơn từ sau ngày hết hạn hợp đồng là ngày 27/10/2017 đến 15/3/2022. Vì vậy, các khoản tiền mà Eximbank không được chấp nhận gồm: tiền lãi trong hạn từ 27/10/2017 đến ngày 15/3/2022 là 77.617.833.334 đồng và lãi quá hạn từ 27/10/2017 đến 15/3/2022 là 38.831.833.333 đồng, tổng cộng là 116.449.666.667 đồng cũng như không buộc bà B phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 16/3/2022 cho đến thời điểm thực tế thanh toán.

Tổng số tiền nợ bà B có nghĩa vụ phải trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X là 168.213.833.333đ (một trăm sáu mươi tám tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó, nợ gốc là 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng) và tiền lãi là 36.213.833.333đ (ba mươi sáu tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

[2.3] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo là 13.049.437 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã STB) và tất cả các quyền lợi tài chính và các quyền khác phát sinh từ cổ phiếu cầm cố thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn M để thu hồi nợ cho nguyên đơn trong trường hợp bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ:

Xét thấy, căn cứ Hợp đồng bảo đảm số 33/EIB-Q4/TC-CN/2013 ngày 22/5/2013, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng bảo đảm ngày 22/7/2013, Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/3/2016, đã được các bên thừa nhận, thì hợp đồng bảo đảm nêu trên là hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay Eximbank đề nghị phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ trong trường hợp bà Bích không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ gốc và lãi theo yêu cầu của Eximbank. Bà B và ông M cũng thống nhất bà B có trách nhiệm trả cho Eximbank số tiền vốn gốc là 132.000.000.000đ (một trăm ba mươi hai tỷ đồng) và tiền lãi trong hạn tính đến ngày 26/10/2017 là 36.213.833.333đ (ba mươi sáu tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Tổng cộng là 168.213.833.333đ (một trăm sáu mươi tám tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Trường hợp bà B không thể trả hoặc trả không đầy đủ thì đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo là 13.049.437 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (mã STB) và tất

cả các quyền lợi tài chính và các quyền khác phát sinh từ cổ phiếu cầm cố thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn M để thu hồi nợ cho Eximbank. Nếu giá trị tài sản đảm bảo không thu hồi đủ nợ thì bà B tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho Eximbank cho đến khi xong nợ. Xét thấy, yêu cầu này của Eximbank là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ công văn số 73/2022/CV-PC ngày 19/01/2022 của Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt có cơ sở xác định số lượng cổ phiếu của ông Nguyễn Văn M hiện đang phong tỏa liên quan quan đến Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh Quận 4 là 13.049.437 cổ phiếu.

Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận do ý kiến này phù hợp với qui định của pháp luật.

[3]- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 224.449.667 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí trên phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 276.213.833 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 148; khoản 2 Điều 227, khoản 1,2 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 323, 342, 348, 349, 350, 351 và 355 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần X:

1.1 Buộc bà Lê Thị Ngọc B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201200703 ngày 26/10/2012, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 22/5/2013, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2014, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LAV-201200703 ngày 26/10/2012, cụ thể như sau:

Tiền nợ gốc là 132.000.000.000 đồng (một trăm ba mươi hai tỷ đồng).

Tiền nợ lãi 36.213.833.333đ (ba mươi sáu tỷ hai trăm mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Tổng cộng, bà Lê Thị Ngọc B phải thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X là 168.213.833.333đ (một trăm sáu mươi tám tỷ hai trăm

mười ba triệu tám trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng). Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng TMCP X có nghĩa vụ thực hiện thủ tục xóa phong tỏa 13.049.437 cổ phiếu Sacombank và các quyền phát sinh từ cổ phiếu của ông Nguyễn Văn M tại cơ quan có thẩm quyền khi bị đơn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201200703 ngày 26/10/2012, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 22/5/2013, biên bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 29/9/2014, giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1402-LAV-201200703 ngày 26/10/2012 mà không phải thực hiện việc phát mãi, đồng thời hoàn trả các chứng từ sở hữu liên quan đến số cổ phiếu nêu trên cho ông Nguyễn Văn M.

Trường hợp bà Lê Thị Ngọc B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là 13.049.437 cổ phiếu Sacombank và các quyền phát sinh từ cổ phiếu của ông Nguyễn Văn M (mã chứng khoán STB), số ĐKSH021875179 đang phong tỏa tại Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt.

Nếu sau khi phát mãi tài sản đảm bảo mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của bà Lê Thị Ngọc B đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải hoàn lại phần giá trị còn lại này cho ông Nguyễn Văn M.

Nếu sau khi phát mãi tài sản đảm bảo mà giá trị phát mãi nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của bà Lê Thị Ngọc B đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần X thì bà Lê Thị Ngọc B phải có nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền còn lại. Trường hợp xảy ra tình huống này, kể từ ngày tiếp theo của ngày phát mãi tài sản đảm bảo cho đến khi thanh toán xong các khoản phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, bà Lê Thị Ngọc B phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và khuyến khích việc sớm thanh toán nợ.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X về việc yêu cầu bà Lê Thị Ngọc B phải thanh toán các khoản tiền lãi từ ngày 27/10/2017 đến 15/3/2022 là 116.449.666.667 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/3/2022 cho đến thời điểm thực tế thanh toán.

2. Về Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 224.449.667 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 130.131.000 đồng (một trăm ba mươi triệu một trăm ba mươi một ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2012/07467 ngày 25/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Cổ phần X còn phải nộp thêm số tiền 94.318.667 đồng (chín mươi bốn triệu ba trăm mười tám ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Bà Lê Thị Ngọc B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 276.213.833 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm mười ba ngàn tám trăm ba mươi ba đồng).

3 Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2017/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: Cấm xuất cảnh đối với bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1985, CMND số 023944285 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/2010; địa chỉ: 31 đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.5;
- Chi cục THADS Q.5;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Thảo